

Số: 3346/2024/PKQ(24/K2195/KT6)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty CP Môi trường Thuận Thành

Địa chỉ: khu phố Ngọc Khám, phường Gia Đông, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Vị trí quan trắc	K2195/0624/ThuanThanh/KT6	Khí thải từ hệ thống thu hồi kim loại từ dung dịch và bùn cặn chứa kim loại
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 15 tháng 6 năm 2024	
Người lấy mẫu	Vũ Minh Huy, Nguyễn Năng Thanh, Bùi Văn Hoàng	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương, Lê Ngọc Ánh	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, C <sub>max</sub> )
				KT6	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	6,1	200
2	As	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 29	<0,009	10
3	Cd	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 29	0,012	5
4	Zn	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 29	0,051	30
5	Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 29	0,051	10
6	Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 29	0,012	5
7	HCl <sup>(**5)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 26A	KPH	50
8	Sb	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 29	0,015	10

## Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
  - Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:
    - Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.
    - Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
  - $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ . Với  $K_p = 1$  và  $K_v = 1$ .
- (\*\*5) Chỉ tiêu phân tích bởi trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động Vimcert 025;
- KPH: Không phát hiện

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT  
NHÓM QUAN TRẮC

ThS. Hồ Thị Hòa

TRƯỞNG PHÒNG  
QT MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

GIÁM ĐỐC

